

Bản án số: 10/2023/KDTM-ST

Ngày: 09-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Ông Trần Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 64/2021/TLST- KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 64/2023/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty CP K**; Địa chỉ: 69 đường Q, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Thành N – Chức vụ: Trưởng Bộ phận pháp chế; Địa chỉ: 69 đường Q, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 399/UQ-KKMT ngày 02/11/2021 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần K). Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Công ty cổ phần T**; Địa chỉ: Lô IV, Khu công nghiệp T1, xã T1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Đức D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Kim khí Miền Trung – ông Nguyễn Thành N trình bày:**

Công ty cổ phần K cùng với Công ty cổ phần T ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa. Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên, được hai bên đã thống nhất theo hợp đồng, cụ thể:

- Hợp đồng số: 22.11/KKMT-TINHUNG ký ngày 22/11/2017. Thực hiện Hợp đồng này, theo yêu cầu của Công ty cổ phần T, từ ngày 23/11/2017 đến ngày 06/10/2018 Công ty cổ phần K đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty cổ phần T, lượng hàng có tổng giá trị: 25.233.156.6829 đồng, về phần trách nhiệm Công ty chúng tôi đã thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng đã ký kết. Trong khi đó, tính đến ngày 19/12/2019, Công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty chúng tôi được: 25.233.156.682 đồng. Do Công ty cổ phần T chậm trả nên phát sinh lãi đến ngày 19/12/2019: 1.075.584.934 đồng.

- Hợp đồng số: 20.06/KKMT-TINHUNG ký ngày 20/06/2019. Thực hiện Hợp đồng này, theo yêu cầu của Công ty cổ phần T, từ ngày 22/06/2019 đến ngày 29/10/20219, Công ty cổ phần K đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty cổ phần T, lượng hàng có tổng giá trị: 10.840.695.928 đồng, về phần trách nhiệm Công ty chúng tôi đã thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng đã ký kết. Trong khi đó, tính đến ngày 06/10/2020, Công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty chúng tôi được: 5.608.068.950 đồng. Do đó, Công ty cổ phần T còn nợ Công ty chúng tôi số tiền: 5.232.626.978 đồng (nợ gốc) và lãi phát sinh do chậm trả tính đến ngày 06/10/2020: 1.505.445.251 đồng.

Trên tinh thần hợp tác, Công ty chúng tôi đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty cổ phần T thanh toán số tiền trên, cùng tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định của Hợp đồng cho Công ty chúng tôi. Cụ thể, tại văn bản số 279/KKMT ngày 06/08/2020, Công ty chúng tôi yêu cầu Công ty cổ phần T thanh toán tiền nợ, và tại văn bản số 02/08/2020/CV-TH ngày 14/08/2020, Công ty cổ phần T phúc đáp về kế hoạch trả nợ: Tháng 09/2020 thanh toán 01 tỷ đến 02 tỷ đồng; Tháng 10/2020 thanh toán 03 tỷ đồng; Tháng 11/2020 thanh toán 04 tỷ đồng dứt điểm tiền hàng. Tuy nhiên, ngày 10/09/2020, Công ty cổ phần T chỉ thanh toán 1.121.943.326đ, ngày 06/10/2020 thanh toán 976.539.927đ. Từ đó đến nay, Công ty cổ phần T vẫn không thanh toán dứt điểm cho Công ty chúng tôi. Việc chậm thanh toán của Công ty cổ phần T, đã vi phạm điều khoản thanh toán của Hợp đồng mà hai bên đã ký kết và gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty chúng tôi. Do việc chậm thanh toán nên ngoài khoản nợ nêu trên, Công ty chúng tôi yêu cầu Công ty cổ phần T phải trả lãi chậm trả tính đến

ngày 06/10/2021 theo quy định tại hợp đồng số: 2211/KKMT-TINHUNG ngày 22/11/2017, với số tiền: 1.075.584.9344 và Hợp đồng số 20.06/KKMF-TINHUNG ngày 20/06/2019 với số tiền: 1.505.445.251đ (có bảng tính lãi kèm theo).

Vậy Công ty cổ phần K khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền hàng còn nợ 5.232.626.978đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 06/10/2020 là 2.581.030.185đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 7.813.657.163đ (Bảy tỷ tám trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền hàng còn nợ 5.232.626.978đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 06/10/2020 là 2.581.030.185đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 7.813.657.163đ (Bảy tỷ tám trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa Công ty cổ phần K với Công ty cổ phần T và điều mục đích lợi nhuận. Công ty cổ phần K có trụ sở tại 69 đường Q, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và tại Điều 6 của Hợp đồng mua bán hàng hóa thỏa thuận Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là nơi giải quyết nếu xảy ra tranh chấp. Căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn - Công ty cổ phần T mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty cổ phần K cùng với Công ty cổ phần T ký các Hợp đồng mua bán hàng hóa gồm Hợp đồng số: 22.11/KKMT-TINHUNG ký ngày 22/11/2017 và Hợp đồng số: 20.06/KKMT-TINHUNG ký ngày 20/06/2019.

Về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, quyền và nghĩa vụ các bên, được hai bên đã thống nhất và thực hiện theo Hợp đồng. Đối với Hợp đồng số: 22.11/KKMT-TINHUNG ký ngày 22/11/2017 đã thực hiện xong, tuy nhiên việc thanh toán chậm trễ nên Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty cổ phần T trả tiền lãi do chậm thanh toán là 1.075.584.934 đồng; Đối với Hợp đồng số: 20.06/KKMT-TINHUNG ký ngày 20/06/2019, Công ty cổ phần K đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty cổ phần T, lượng hàng có tổng giá trị 10.840.695.928 đồng nhưng tính đến ngày 06/10/2020, Công ty cổ phần T thanh toán cho Công ty cổ phần K được: 5.608.068.950 đồng nên Công ty cổ phần K yêu cầu trả số tiền nợ gốc 5.232.626.978 đồng và lãi phát sinh do chậm trả tính đến ngày 06/10/2020 là 1.505.445.251 đồng.

Ngày 06/8/2020, Công ty cổ phần K có Văn bản số 279/KKMT về việc yêu cầu trả nợ và Công ty cổ phần T đã phúc đáp bằng văn bản số 02/08/2020/CV-TH ngày 14/08/2020 về kế hoạch trả nợ: Tháng 09/2020 thanh toán 01 tỷ đến 02 tỷ đồng; Tháng 10/2020 thanh toán 03 tỷ đồng; Tháng 11/2020 thanh toán 04 tỷ đồng dứt điểm tiền hàng. Tuy nhiên, ngày 10/09/2020, Công ty cổ phần T chỉ thanh toán 1.121.943.326đ, ngày 06/10/2020 thanh toán 976.539.927. Từ đó đến nay, Công ty cổ phần T vẫn không thanh toán dứt điểm cho Công ty cổ phần K.

Vậy Công ty cổ phần K khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền hàng còn nợ 5.232.626.978đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 06/10/2020 là 2.581.030.185đ, tổng cộng số tiền phải thanh toán là 7.813.657.163đ (Bảy tỷ tám trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa Công ty cổ phần K và Công ty cổ phần T được thể hiện bằng Hợp đồng số: 22.11/KKMT-TINHUNG ký ngày 22/11/2017 và Hợp đồng số: 20.06/KKMT-TINHUNG ký ngày 20/06/2019, các Hóa đơn giá trị gia tăng tại thời điểm giao hàng và văn bản số 02/08/2020/CV-TH ngày 14/08/2020 về kế hoạch trả nợ của Công ty cổ phần T thì Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty cổ phần T có mua hàng của Công ty cổ phần K, phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại. Mặc dù có văn bản trả lời về kế hoạch trả nợ nhưng không thanh toán cho Công ty cổ phần K là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 280 Bộ luật dân sự. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng kinh tế giữa Công ty cổ phần K đối với Công ty cổ phần T là đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền 5.232.626.978đ.

Đối với số tiền lãi Công ty cổ phần K yêu cầu Công ty cổ phần T thanh toán 2.581.030.185đ, lãi được từ ngày 31/01/2018 đến ngày 06/10/2020 với mức lãi suất 12%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập mức lãi

suất tại các Ngân hàng N, Ngân hàng TMCP C, Ngân hàng TMCP N1 thì tại thời điểm xét xử để tính lãi suất quá hạn bình quân của ba Ngân hàng là $(8,5\% + 10,5\% + 8,5\%)/3 \times 150\% = 13,75\%$ theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại, tuy nhiên Công ty cổ phần K yêu cầu mức lãi suất 12% thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có lợi cho phía bị đơn nên số tiền lãi cho chậm thanh toán 2.581.030.185đ do nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

Như vậy tổng cộng các khoản Hội đồng xét xử chấp nhận buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K là 5.232.626.978đ + 2.581.030.185đ = 7.813.657.163đ.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn – Công ty cổ phần T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: $(112.000.000 + 0.1\%(7.813.657.163 - 4.000.000.000)) \sim 115.813.657$ đồng.

[5] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 39, 40, 41, 50, 54, 306 của Luật Thương mại; Điều 280, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa" của Công ty cổ phần K với Công ty cổ phần T.

Buộc Công ty cổ phần T phải thanh toán cho Công ty cổ phần K số tiền 7.813.657.163đ (Bảy tỷ tám trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi ba đồng); trong đó số tiền hàng còn nợ 5.232.626.978đ và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 06/10/2020 là 2.581.030.185đ.

2. Án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty cổ phần T phải chịu là **115.813.657đ** (Một trăm mười lăm triệu tám trăm mười ba ngàn sáu trăm năm mươi bảy đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K số tiền tạm ứng án phí **57.910.000đ** (Năm mươi bảy triệu chín trăm mười ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000429 ngày 01/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trích sao bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà